

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

NGŨ NGHĨA CỦA KẾT CẤU [ĐÃ + X] TRONG TIẾNG VIỆT

SEMANTICS OF THE CONSTRUCTION [ĐÃ + X] IN VIETNAMESE

NGUYỄN HOÀNG TRUNG
(TS; ĐH KHXH & NV, ĐHQG TP HCM)

Abstract: The word *đã* has been seen so far as past tense marker by many researchers in Vietnamese linguistics. The misleading description of *đã* can be explained by being semantically modelled on the tenses systems in inflectional languages. However, its usage by the native Vietnamese and our semantic analysis of its semantics carried out on the base of the data collected from Vietnamese literature and media have showed that the functions of *đã* are determined only by contexts in which it can appear, that is, *đã* and words that can follow it form together a construction like [đã + X] functioning not as a tense marker, but as an aspectual marker.

Key words: Tense; aspect; past tense and construction.

1. Đặt vấn đề

1.1. Trong bài viết này, chúng tôi trình bày cách tiếp cận một hiện tượng cú pháp-ngữ nghĩa thường được giải thích một cách lược giản hoặc được mô phỏng theo đặc trưng ngữ pháp của các ngôn ngữ biến hình như tiếng Anh, tiếng Nga: ‘*đã*’ hành chức thế nào trong tiếng Việt? Trong phần lớn sách tiếng Việt dành cho người nước ngoài được biên soạn trong và ngoài nước, cũng phần lớn sách ngữ pháp tiếng Việt, các từ này, dù là hiện ngôn hay hàm ý, thường được cho là dùng để đánh dấu *quá khứ* (đã). Trước khi đề xuất cách dạy từ này cho sinh viên nước ngoài, chúng tôi xin giới thiệu một cách ngắn gọn bản chất của hai đơn vị gọi là chỉ tố (marker), cũng như những ràng buộc ngữ pháp-ngữ nghĩa khi chỉ tố này kết hợp với vị ngữ (predicate) để biểu đạt một ý nghĩa thời gian nào đó. Ý nghĩa nghĩa là gì tùy thuộc vào loại vị ngữ mà chỉ tố này kết hợp.

1.2. Một số khái niệm liên quan đến bài viết:

(i) **Thì quá khứ** (Past Tense): Nội dung của thì quá khứ là định vị một sự tình trong quá khứ và phủ nhận tính hiện thực của sự tình đó trong hiện tại hoặc trong tương lai. (B. Comrie 1985, tr. 41):

1. *Tom was Mary's boyfriend.*

2. *When I studied in France, I lived in Paris.*

Theo nội dung của thì quá khứ, các sự tình trong (1) và (2) đều xảy ra và kết thúc trong quá khứ, tức không còn diễn ra trong hiện tại. Trong tiếng Anh, tiếng Pháp hoặc một số thứ tiếng có thì khác, khi một sự tình bắt đầu trong quá khứ nhưng vẫn còn tiếp diễn trong hiện tại, vị từ biểu đạt sự tình đó không bao giờ được chia ở thì quá khứ mà nó sẽ xuất hiện ở những hình thái khác:

3. *John has been living in France for six years.*

4. *John étudie le Français depuis six ans.*

Sự tình trong (3) bắt đầu trước thời đoạn phát ngôn, tức trong quá khứ, song vẫn còn tiếp diễn ngay và có thể sau thời đoạn phát ngôn. Để diễn đạt ý nghĩa này, trong tiếng Anh, hình thái Present perfect continuous được sử dụng. Tương tự trong tiếng Pháp hình thái Present được sử dụng. Như vậy, cả hai sự tình bắt đầu trong quá khứ nhưng vẫn chưa kết thúc ở thời đoạn phát ngôn nên phải được đánh dấu bằng các hình thái *Present*.

Tiếng Việt là ngôn ngữ đơn lập, không hình thái và các quan hệ thời gian không được ngữ pháp hóa, vì vậy không có *phạm trù thì*. Tuy nhiên, bài viết này chấp nhận giả thuyết cho rằng tiếng Việt có *thì* để khảo sát ý nghĩa của một số chỉ tố được cho là được dùng để biểu đạt quá khứ như *đã*, *rồi*. Xét các câu tiếng Việt sau:

5. *Chị Mai đã có chồng.*

6. *Anh yêu cô ta rồi.*

Theo nội dung của thì quá khứ, sự tình trong (5) miêu tả một trạng thái bắt đầu trong quá khứ, song vẫn chưa kết thúc tại thời đoạn phát ngôn nên chỉ tổ ‘đã’ trong (3) không thể đánh dấu quá khứ. Tương tự, (6) cũng không hề miêu tả một sự tình đã kết thúc theo nội hàm của thì quá khứ mà nó biểu đạt một sự tình bắt đầu trong quá khứ, nhưng vẫn diễn tiến tại thời đoạn phát ngôn. Như vậy, cả hai chỉ tổ trong (5) và (6) đều không đánh dấu thì quá khứ. Mặt khác, cả hai chỉ tổ này đều có thể xuất hiện trong các khung thời gian khác nhau:

7. *Tháng 12 năm 2005* (thì) chị Mai đã có chồng.

8. *Bây giờ* chị Mai đã có chồng.

9. *Tháng 12 năm 2008* (thì) chị Mai đã có chồng.

10. *8 giờ hôm qua* (thì) tôi đọc xong bài báo đó rồi.

11. *Bây giờ* tôi đọc xong bài báo đó rồi.

12. *8 giờ ngày mai* tôi đọc xong bài báo đó rồi.

Hai chỉ tổ ‘đã’ và ‘rồi’ trong các câu từ (7)-(12) đều hành chức không phải với tư cách là chỉ tổ thì (tense markers) như L.C.Thompson (1965), N.V. Xtan-kê-vec và I.S. Bystrov (1961) mà chúng cho biết các sự tình liên quan đã đạt đến kết điểm tại thời đoạn quy chiếu được diễn đạt bằng những trạng ngữ thời gian, nói cách khác, hai chỉ tổ này trong các câu này đánh dấu ý nghĩa dĩ thành (perfect meaning).

(2) **Thể:** Theo B. Comrie (1976), *thể* (aspect) miêu tả cấu trúc thời gian bên trong của sự tình. Thể cung cấp những thông tin ngữ nghĩa quan yếu về sự tình. Tuy nhiên giá trị thể của sự tình thường được xác định qua sự tương tác giữa các chỉ tổ thể, hình thái vị từ với loại sự tình. Zeno Vendler (1967) và C. Smith (1991) dựa trên các thuộc tính thời gian đã phân sự tình thành bốn loại là: 1/ Sự tình tĩnh (*Tôi mệt, Cái áo đỏ rách rồi*); 2/ Sự tình hoạt động (*Mai đi bộ trong công viên. Mai đang đọc sách*); 3/ Sự tình đoạn tính hữu đích (*Mai đi bộ đến trường, Mai đang vẽ một bức tranh*); 4/ Sự tình điểm tính hữu đích (*Taxi đến rồi, Pháo nổ đi đùng*); 5/ Sự tình nhất cổ (*Nam đá trái bóng đi*).

Mỗi loại sự tình trên khi kết hợp với một chỉ tổ thể (aspectual marker) hoặc được biểu thị bằng

một hình thái vị từ cụ thể sẽ có một giá trị thể (aspectual value) cụ thể. Vì vậy, việc xác định giá trị thể không thể chỉ dựa trên hình thái vị từ hay chỉ tổ thể mà phải dựa trên sự kết hợp giữa loại sự tình và hình thái vị từ/chỉ tổ thể. Xét các ví dụ trong (13) và (14):

13. a. *Paul walked in the park for an hour/*in an hour.* (Paul đi bộ trong công viên 1 tiếng).

b. *Paul walked to the park in an hour/*for an hour.* (Paul đi bộ đến công viên mất một tiếng)

14. a. *Nam đang đọc sách.*

b. *Nam đang đọc quyển sách mới mua hôm qua.*

Nếu chỉ xét về hình thái vị từ hoặc chỉ tổ thể thì các câu (13a) và (13b), (14a) và (14b) đều có giá trị như nhau. Tuy nhiên, khi xét đến các đặc trưng của sự tình thì chúng ta sẽ có những thông tin ngữ nghĩa khác nhau, và từ đó sẽ có những giá trị thể khác nhau. (13a) miêu tả một sự tình hoạt động, không nhắm đến một cái đích nào cả (goal). Hoạt động chỉ ngừng lại, không tiếp tục, chứ không hoàn thành. Trong khi đó, (13b) miêu tả một sự tình hữu đích, tức sự tình này có một cái đích nhắm đến và khi đạt đến cái đích này thì nó kết thúc, hay nói cách khác đó là một sự tình hoàn thành (perfective). Tương tự, (14a) miêu tả một sự tình hoạt động, còn (14b) miêu tả một sự tình hữu đích. Có thể hiểu một cách đơn giản như sau về tính hữu đích: khi trang sách cuối cùng được đọc xong thì cũng có nghĩa là sự tình ‘*đọc quyển sách này*’ hoàn thành.

Liên quan đến *thể* là những khái niệm tương đối phức tạp như *chuyển đổi trạng thái, hoàn thành, dĩ thành, chưa hoàn thành, tiếp diễn, hữu đích, vô đích*, v.v. Những khái niệm này được xem là những khái niệm trọng tâm của thể. Tuy nhiên, trong khuôn khổ bài viết này chúng tôi chỉ đề cập sơ lược đến những khái niệm có liên quan đến việc sử dụng ‘đã’ và ‘đang’ trong tiếng Việt.

2. Ngữ nghĩa của kết hợp [đã + X]

Như đã nói ở phần trên, chỉ tổ *đã* hoàn toàn không đánh dấu ý nghĩa quá khứ như nhiều người nghĩ. Trong kết hợp này, vị ngữ X là yếu tố quan trọng để xác định ý nghĩa của cả kết cấu. Ở đây chúng tôi sẽ xác định ý nghĩa của kết hợp [đã + X] dựa trên phân loại sự tình của Z. Vendler.

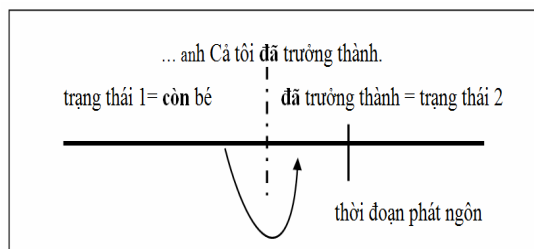
a. [đã + X], với X là sự tình tĩnh

Theo lí thuyết về thể, sự tình tĩnh (trạng thái, tư thế, v.v) không có sự biến đổi cấu trúc nội tại nên nó sẽ không tương thích với các khái niệm như hoàn thành hay dĩ thành. Như vậy, kết hợp này không thể đánh dấu các ý nghĩa thể vừa đề cập mà đánh dấu sự chuyển đổi từ trạng thái này sang trạng thái khác của chủ thể. Xét ví dụ sau:

15. a. *Khi tôi bập bẹ nói thì anh Cả tôi đã trưởng thành.* (Hồ Dzếnh, 27)

b. *Hơn một nửa giống người đã ốm đau, đã tật tàn, không còn biết hưởng thụ...* (Chiếc cang xanh, Lưu Trọng Lư, 365)

Sự tình trong (15a) có thể được miêu tả qua sơ đồ sau:



I	F	I	F	I	F
mới	cũ	Xanh	Chín	sớm	trưa
bé	Lớn	Trẻ	già	sớm	khuya
nhỏ dại	khôn lớn	Non nớt	già dặn	tươi	khô
thấp	cao	bở ngỡ	thành thạo	tươi	ươn
sống	chín	sớm	muộn	còn	hết

Trong bảng trên, các vị từ miêu tả những trạng thái khác nhau được miêu tả trên cùng một thang độ. Các vị từ ở cột I đánh dấu khúc đoạn đầu, còn các vị từ ở cột F đánh dấu khúc đoạn cuối của thang độ đo lường quá trình tự nhiên. Như vậy, với những ràng buộc cú pháp - ngữ nghĩa, *đã* chỉ kết hợp với các vị từ tình trong các cột F. Kết hợp này đã trực tiếp bác bỏ quan điểm cho rằng *đã* đánh dấu ý nghĩa quá khứ như nhiều nghiên cứu khẳng định, nếu đánh dấu quá khứ thì chỉ tố này phải kết hợp được với các vị từ ở cột I như *thì quá khứ* trong tiếng Anh hoặc tiếng Pháp như trong các ví dụ dưới đây:

a. *When my father was young, he lived in Paris.*

b. *Quand mon père était jeune, il vivait à Paris.*

c. *Hồi trẻ, bố tôi sống ở Paris.*

b. *[đã + X] với X là sự tình hữu đích*

Theo sơ đồ, trạng thái được đánh dấu bằng vị từ tình *trưởng thành* bắt đầu trong quá khứ và vẫn đang tồn tại tại thời đoạn phát ngôn. Sơ đồ miêu tả sự dịch chuyển đổi trạng thái của chủ thể từ trạng thái trước được suy ra từ tiền giả định của vị từ tình đánh dấu trạng thái mới của chủ thể. Như vậy, khi *đã* kết hợp với vị từ tình thì kết hợp đánh dấu sự chuyển đổi trạng thái chứ không đánh dấu ý nghĩa quá khứ và có thể tìm được rất nhiều ví dụ để chứng minh cho luận điểm này:

16.a. *Tôi đã hiểu anh là người thế nào rồi.*

b. *Cám ơn anh, ông tôi đã khỏe.*

c. *Cái bóng đèn ấy đã vỡ rồi. Anh đi mua cái khác giùm em.*

d. *Năm sau con đã tròn 20 tuổi rồi.*

Như vậy, về mặt cú pháp - ngữ nghĩa, *đã* chỉ kết hợp với các vị từ tình miêu tả khúc đoạn cuối (F) của một quá trình tự nhiên bao gồm ít nhất hai biến đổi tiếp nối nhau.

Sự tình hữu đích là sự tình nhắm đến một cái đích thuộc cấu trúc nội tại của sự tình đó. Một khi đã đạt đến cái đích ấy thì sự tình không diễn ra nữa. Chẳng hạn, sự tình *ăn một cái bánh* sẽ ngừng lại, một khi cái bánh được chủ thể của hành động ăn hết hay nói cách khác sự tình đã đạt đến đích của nó. Ở trường hợp này, kết hợp thường biểu đạt ý nghĩa dĩ thành. Thường vị từ thành tố được sử dụng là những vị từ tạo tác, hoặc vị từ huỷ diệt, hoặc vị từ chuyển động nhắm đến một cái đích nào đó hoặc vị từ tạo ra sự biến đổi trạng thái của đối tượng. Ví dụ:

17. a. *Nam đã vẽ một bức tranh thủy mặc.*

b. *Hồ đã ăn của nhà tôi một con trâu.*

c. *Thưa ông, ông Nam, giám đốc công ty A, đã đến a.*

d. *Nam đã bẻ gãy thanh gươm ấy.*

Tất cả các câu trên có thể miêu tả những trạng thái kết quả nảy sinh từ việc các hoạt động đạt đích đã kết thúc:

- e. *Có một bức tranh thủy mặc.*
- f. *Nhà tôi mất một con trâu.*
- g. *Ông Nam đang ở đây.*
- h. *Thanh gỗ ấy đã gãy.*

Những trạng thái này đều tồn tại ở thời đoạn phát ngôn hoặc một thời đoạn quy chiếu nào đó. Sự tình hữu đích có thể được biểu hiện bằng những vị từ điểm tính) như *đến, chết, nổ*, v.v. hoặc bằng những vị từ đoạn tính có bổ ngữ kể trên.

Khi có sự xuất hiện của các khung thời gian hay thời điểm quy chiếu (tại thời điểm phát ngôn, trong quá khứ hay tương lai) thì kết hợp này miêu tả những trạng thái kết quả nảy sinh từ sự đạt đích của các sự tình loại này:

18. a. *Hôm qua, khi tôi đến thì Nam đã rời khỏi nhà rồi.*

b. *Tám giờ ngày mai tôi đã đến Hà Nội được 30 phút.*

Trong (18a) và (18b), các sự tình ‘rời khỏi nhà’ hoặc ‘đến Hà Nội’ đều diễn ra trước thời đoạn/ thời điểm quy chiếu: ‘khi tôi đến’ trong (18a) và ‘tám giờ’ trong (18b). Rõ ràng là các thời gian quy chiếu này không phải là thời gian diễn ra của các sự tình liên quan do các vị từ biểu hiện. Như đã nói ở trên, từ các sự tình động trên, người ta có thể suy ra những sự tình tĩnh tồn tại ở các thời gian quy chiếu:

18. c. *Hôm qua, khi tôi đến thì Nam đang ở ngoài.*

d. *Tám giờ ngày mai tôi đang ở Hà Nội.*

Ngoài ra, X trong kết hợp [đã + X] có thể là một chuỗi vị từ kết quả, và tất nhiên chuỗi vị từ này cũng miêu tả một sự tình tổng (macro-event) hữu đích. Theo lý thuyết thể, kết hợp này cũng miêu tả ý nghĩa dĩ thành của một sự tình hữu đích:

19. a. *Nam đã tìm được việc làm.*

b. *Nam đã bê gãy thanh gỗ ấy.*

c. *Các bác sĩ đã mổ lấy ra viên đạn nằm trong đầu ông ấy 20 năm nay.*

Cũng như những câu trên, các câu (19a-19c) đều có miêu tả những sự tình kết quả hoặc được đánh dấu bằng vị từ thứ hai trong chuỗi hoặc được suy ra từ cấu trúc ngữ nghĩa của chuỗi vị từ hữu đích:

- Nam đã có việc làm. → *Chuyển đổi trạng thái của chủ thể*

- Thanh gỗ ấy đã gãy. → *Chuyển đổi trạng thái của đối tượng*

- Viên đạn đã được lấy ra ngoài. → *Chuyển đổi vị trí của đối tượng*

c. [đã + X] với X là vị ngữ vô đích

Ngược với sự tình hữu đích, sự tình vô đích (atelic) không nhắm đến một cái đích nào cả. Vì vậy, chỉ có thể nói sự tình vô đích chỉ ngừng lại, không tiếp tục nữa chứ không thể nói đó là một sự tình hoàn thành hay dĩ thành. Chẳng hạn, sự tình *đi bộ trong công viên* là một hoạt động không nhằm đạt đến một cái đích nào. Khi chủ thể ngừng thực hiện thì hoạt động cũng ngừng lại.

Kết hợp [đã + VN vô đích] trong tiếng Việt không đánh dấu ý nghĩa hoàn thành hay dĩ thành, cũng như không đánh dấu quá khứ, mà theo chúng tôi, nó chỉ được dùng trong một số trường hợp đánh dấu nghĩa tình thái, mà cụ thể là đánh dấu *tính hiện thực*:

20. a. *Tôi đã đọc sách của Smith, nhưng tôi không rõ ý này nằm ở đâu.*

b. *Hôm nay con đã đọc sách chưa? Dạ, con đã đọc (sách) rồi.*

Chỉ tố ‘đã’ xuất hiện trong (20a) và (20b) nhằm đánh dấu *tính hiện thực* của các sự tình hữu quan. Tuy nhiên, vai trò của ‘đã’ trong hai câu trên có đôi chút khác nhau. Ở những câu như trong (20b) thì vai trò của ‘đã’ là không cần thiết, đặc biệt là trong khẩu ngữ vì có sự xuất hiện của các chỉ tố song hành với ‘đã’ trong kết cấu ‘đã...chưa’ hoặc ‘đã...rồi’.

Sự xuất hiện của chỉ tố ‘đã’ trong (20a) có vẻ mang tính bắt buộc, nếu lược bỏ câu trên sẽ tối nghĩa. Theo chúng tôi, ‘đã’ trong (20a) hành chức như một tác tử tình thái và nó tạo ra một khung tình thái để xác định cho sự tình theo sau. Trong các bản tin báo chí, các kiểu câu có chữ ‘đã’ để tạo khung tình thái thường được dùng rất phổ biến. Chẳng hạn trong 10 mẫu tin ngắn trên trang 2 của tờ *Tuổi Trẻ*, số ra ngày 8/5/2007, có 7 mẫu tin có xuất hiện ‘đã’ ở ngay câu đầu tiên để tạo ý nghĩa tình thái cho sự tình tiếp theo sau đó. Chính vì vậy những câu dưới đây có vẻ như chưa hoàn chỉnh về mặt thông tin:

- *Hôm qua tôi đã đi Mỹ Tho.*

- Năm trước chúng tôi đã mua một ngôi nhà.

Học viên nước ngoài thường lầm tưởng ‘đã’ dùng để đánh dấu quá khứ nên thường mắc những ‘lỗi’ kiểu này. Để sửa những câu “sai” kiểu này, người ta thường phải bổ sung thêm thông tin:

- Hôm qua tôi đã đi Mỹ Tho. Tôi có đến thăm trại rắn Đồng Tâm...

- Năm trước chúng tôi đã mua một ngôi nhà. Ngôi nhà này nằm trên đường...

Chính vì ‘đã’ có vai trò đánh dấu ý nghĩa tình thái của sự tình, thường là tình thái hiện thực nên nó có thể kết hợp với nhiều loại từ loại khác nhau từ danh từ, tính từ, động từ cho đến những đơn vị thường được gọi là phụ từ, v.v. Dưới đây là những câu chúng tôi trích ra từ tiểu thuyết ‘*Nỗi buồn chiến tranh*’ của Bảo Ninh:

a. Chỉ có Từ là đã cùng Kiên đánh đến cửa số 5 sân bay Tân Sơn Nhất rồi mới hi sinh. (12) **Cùng: kết từ*.

b. Nhiều người thì đã chính mắt nom thấy những toán lính da đen... (15) **Chính: trợ từ*.

c. ...người lính vệ binh đã tự tay chôn Can kẻ lại với đám trinh sát... (25) **Tự: đại từ*.

d. ...có ba cái bóng, ..., đã thường xuyên đi và về trên con đường... (31) **Thường xuyên: tính từ*

e. Bài ca chắc là đã mãi mãi lia bỏ khu rừng. (95) **Mãi mãi: phụ từ*.

f. Khi đã một bước rời khỏi cũi chiêm bao thì thế là thôi hết tất cả... (183) **Một bước: danh từ*.

Chỉ tố “đã” trong các câu từ (a-f) đều tác động trực tiếp vào đơn vị từ vựng xuất hiện ngay sau nó. Có một số ý kiến cho rằng có thể hoán đổi vị trí của các từ đứng sau ‘đã’ với động từ có mặt trong câu, nhưng thật ra chỉ có thể thực hiện thao tác này đối với các câu (d) và (e): ...đã đi và về thường xuyên...; ...đã lia bỏ khu rừng mãi mãi.

Nếu dựa trên trật tự từ - một quan hệ ngữ pháp quan yếu của tiếng Việt, (g) và (h) là những câu hoàn toàn khác với (d) và (e) về mặt ngữ nghĩa-cú pháp. ‘Đã’ tác động trực tiếp đến các vị từ xuất hiện ngay sau nó và đánh dấu

tính hiện thực của hành động do các vị từ biểu thị. Trong khi đó, trong (d), (e) và một số câu khác ở ví dụ trên, chỉ tố ‘đã’ đánh dấu tính hiện thực của của một cách thức do đơn vị từ vựng sau ‘đã’ biểu thị và đây là cách tri nhận về sự tình của người Việt. Như vậy, tầm tác động của các chỉ tố ngữ pháp nói chung, chỉ tố thể nói riêng phải được xem là điều kiện quan yếu để khảo sát các quan hệ ngữ pháp trong câu hay phát ngôn.

Từ sự kết hợp của ‘đã’ với nhiều loại từ loại như trên, có thể nói chỉ tố này hành chức như một vị từ tình thái như nhiều nhà Việt ngữ học đã khẳng định.

3. Bài viết này miêu tả một cách ngắn gọn cấu trúc ngữ nghĩa-cú pháp của kết hợp [đã + X] trong tiếng Việt nhằm chỉ ra những nét nghĩa cơ bản của kết cấu này. Dựa trên những đặc trưng ngữ nghĩa-cú pháp của kết cấu này, và đặc biệt là dựa vào các thuộc tính ngữ nghĩa của thì quá khứ trong ngữ học đại cương, bài viết đã bác bỏ ý kiến cho rằng ‘đã’ hành chức như một tác tử đánh dấu quá khứ trong tiếng Việt. Mục đích tiếp theo là miêu tả việc hành chức của ‘đã’ với tư cách là một chỉ tố thể thông qua sự tương tác giữa nó với các loại sự tình nhằm chỉ ra những nét nghĩa xác đáng nhất của nó.

THƯ MỤC THAM KHẢO

1. Cao Xuân Hạo (1998), *Về ý nghĩa “thì” và “thể” trong tiếng Việt*, Ngôn ngữ (5), 1-32.
2. Comrie, B., (1976), *Aspect*, Cambridge University Press.
3. Comrie, B., (1985), *Tense*, Cambridge University Press.
4. Panfilov. V.N (2002), *Một lần nữa về phạm trù “Thì” trong tiếng Việt*, Ngôn ngữ (7).
5. Smith, C., (1983), *A theory of aspectual choice*, Language (3), p. 479.
6. Smith, C., (1991), *The parameter of Aspect*, Kluwer, Dordrecht.
7. Thompson L. C., (1965), *A Vietnamese grammar*. University of Washington Press.
8. Vendler, Z., (1967), *Linguistics in philosophy*, Cornell University, Ithaca, New York.